

VẤN ĐỀ THỂ TỤC HÓA Ở CÁC NƯỚC CHÂU ÂU VÀ BƯỚC ĐẦU NHẬN DIỆN THỂ TỤC HÓA TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. Vũ Văn Hậu

Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực 1

Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

NCS. Nguyễn Lê Thạch

Học viện Khoa học Xã hội, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

Có thể khẳng định, chưa bao giờ ở Việt Nam lại có đời sống tôn giáo đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung như hiện nay. Sự đa dạng của đời sống tôn giáo một phần do trở dậy nhu cầu thực tín ngưỡng của nhân dân sau thời kỳ chiến tranh kéo dài; đồng thời, do quá trình dân chủ hóa đời sống xã hội trong không gian mở cửa và hội nhập với khu vực và thế giới. Sự đa dạng của đời sống tôn giáo cũng còn do sự điều chỉnh trong nội bộ của mỗi tôn giáo để phù hợp với yêu cầu của thời đại và gần với cuộc sống hơn. Sự điều chỉnh của mỗi tôn giáo được thể hiện ở nhiều nội dung khác nhau, trong đó có xu thế thể tục hóa. Vấn đề tiếp cận thể nào về thể tục hóa tôn giáo? Cội nguồn của vấn đề thể tục hóa này diễn ra ở đâu? Diễn thái xu thế thể tục hóa tôn giáo ở Việt Nam như thế nào? Bài viết này sẽ bước đầu tiếp cận vấn đề trên.

1. Tiếp cận quan niệm về thể tục hóa và quá trình thể tục hóa tôn giáo ở châu Âu

Thể tục hóa là khái niệm có nhiều tranh cãi, song, mọi người đều thống nhất, đây là hiện tượng có nguồn gốc từ nền văn hóa phương Tây và chịu nhiều ảnh hưởng của Kitô giáo. Khái niệm thể tục hóa bắt đầu được dùng khi những lãnh thổ hoặc tài sản thoát khỏi khống chế quyền lực của Nhà thờ. E. Durkheim nhận xét: *"Nếu có sự thật trong lịch sử mà không có chút nghi ngờ gì, đó là tôn giáo bao trùm một lãnh vực ngày càng nhỏ đi trong xã hội. Tự khởi thủy tôn giáo bành chướng ra mọi lãnh vực, tất cả những gì có tính chất xã hội đều có tính tôn giáo; hai thuật ngữ xã hội và tôn giáo đồng nghĩa với nhau. Sau đó, dần dần chức năng chính trị, kinh tế, khoa học thoát khỏi ảnh hưởng của tôn giáo, hình thành nên chức năng riêng biệt và mang tính thể tục ngày càng rõ..."*¹

M. Weber, trong bài viết của mình cho rằng, thời đại hiện nay là thời đại của lý tính

¹ Nguyễn Xuân Nghĩa: *Tôn giáo và quá trình thể tục hóa*, Tạp chí Xã hội học, số 1/1996, tr. 8 - 9.

hóa, lý trí hóa. Người ta cũng có thể gọi sự lý tính hóa của xã hội là *thế tục hóa*. Hay Jonh Sommerville, trong bài báo của mình, nêu lên 5 cách hiểu khác nhau về thuật ngữ thế tục hóa:

- Khi thảo luận về *cấu trúc xã hội vĩ mô*, thế tục hóa chỉ là sự chuyên biệt hóa; một quá trình trong đó những khía cạnh khác nhau của xã hội gồm kinh tế, chính trị, luật pháp và luân lý càng lúc càng trở lên chuyên môn hóa và khác biệt nhau.

- Khi thảo luận về *những thiết chế riêng rẽ*, thế tục hóa là sự chuyển đổi một thiết chế tôn giáo sang một thiết chế thế tục.

- Khi thảo luận về *những hoạt động*, thế tục hóa chỉ là sự chuyển đổi hoạt động từ những thiết chế tôn giáo sang thiết chế thế tục, chẳng hạn từ sự chuyển đổi trong việc cung cấp các dịch vụ xã hội từ các giáo hội sang các chính phủ.

- Khi thảo luận về *những trạng thái tâm lý*, thế tục hóa chỉ cho sự chuyển đổi từ những quan tâm về các mục đích tối thượng sang những quan tâm các vấn đề gần gũi, chẳng hạn ở phương Tây hiện nay người ta có thể điều chỉnh hành vi của mình để đáp ứng những hậu quả tức thời hơn, thay vì xuất phát từ mối quan tâm về những hậu quả sau khi chết. Đây là một sự giảm sút lòng mộ đạo của cá nhân hay là một sự chuyển đổi sang nếp sống thế tục.

- Khi thảo luận về *những cộng đồng dân cư*, thế tục hóa chỉ khuynh hướng chung của xã hội giảm sút về niềm tin tôn giáo,

khác với xu hướng thế tục hóa ở cấp độ cá nhân vừa nêu².

Điểm qua những quan niệm khác nhau của các học giả phương Tây, thế tục hóa là quá trình giải phóng xã hội ra khỏi sự thống trị của Nhà thờ. Thế tục hóa là quá trình dần dần đưa tôn giáo ra khỏi lĩnh vực công cả nhà nước, lẫn giáo hội để khoanh lại lĩnh vực tư, nghĩa là trong đời sống tinh thần ở mỗi cá nhân. Dù muốn hay không, trên thực tế đời sống xã hội, xu hướng này vẫn khách quan tồn tại, đó là xu hướng các tôn giáo nhập thế, tham gia vào hoạt động trần tục phi tôn giáo: y tế, giáo dục, đạo đức... nhằm giải quyết những vấn đề cụ thể của đời sống xã hội. Với nội dung như vậy, thế tục hóa không phải hiện tượng biến mất của tôn giáo mà chính là quá trình "tái cơ cấu" thường xuyên của mỗi tôn giáo, trước yêu cầu đòi hỏi của xã hội, nhằm phù hợp với yêu cầu của cuộc sống.

Từ những nội dung trên, soi rọi vào quá trình thế tục hóa ở châu Âu có thể hiểu thế tục hóa ở 3 cấp độ:

Cấp độ thứ nhất là *cấp độ xã hội*, đó là lịch sử phát triển các nước châu Âu thời trung cổ gắn liền với sự phát triển của Kitô giáo. Ở khắp châu Âu vào thời kỳ này, tôn giáo xen kẽ, lẫn vào chính trị. Nhà thờ thay mặt Thượng đế chính thức ban tước cho vua và đảm bảo quyền uy cho vua; ngược lại, vua là cánh tay đắc lực của Nhà thờ. Lúc này, giáo hội không chỉ là tổ chức kinh tế, chính trị, văn hóa lớn mạnh mà còn lại hệ tư tưởng

² Phạm Ngọc Chiên: *Hai quan điểm đối nghịch về tôn giáo: Thuyết thế tục hóa và mô hình thị trường tôn giáo*, Tạp chí Khoa học xã hội, số 04/2009, tr. 78.

cho phát triển xã hội. Chính sự phát triển của yếu tố lực lượng sản xuất với sự ra đời nền kinh tế hàng hóa như một kết cục tất yếu của sự phát triển xã hội là "trọng pháo", đục thủng những quan hệ xã hội vốn khép kín bởi quan hệ thân dân phong kiến và xã hội tín đồ tôn giáo. Chính sự phát triển này trong lòng xã hội ở châu Âu đã xác lập quan hệ xã hội mới, đó là sự khế ước, thỏa thuận và tạo ra kỳ nguyên mới cho sự phát triển xã hội. Chính lúc này, yêu cầu cho sự phát triển đó là việc tách nhà nước ra khỏi Nhà thờ, giáo đục tách khỏi tôn giáo và sự giảm thiểu của nội dung tôn giáo vào các vấn đề khoa học, triết học, nghệ thuật... Và đương nhiên, đối với các nước châu Âu, thể tục hóa là quá trình xã hội và văn hóa thoát dần ra khỏi các chế định và thiết chế của tôn giáo xét ở cấp độ xã hội.

Ở *cấp độ các định chế trong tôn giáo*, đó là trước những yêu cầu của sự phát triển xã hội, trong bản thân của tôn giáo cũng có sự đấu tranh, cải cách và không chấp nhận trật tự cũ. Cuộc cải cách Thiên Chúa giáo dưới ngọn cờ Tin Lành do Martin Luther khởi xướng đã đã tấn công vào ý thức hệ của "nhà nước siêu nhà nước". Phong trào cải cách tôn giáo đó nhanh chóng lan rộng ra các nước Anh, Pháp, Hà Lan... Thậm chí, ở châu Âu thời điểm này nhiều nước đều tỏ ra độc lập, không còn gắn kết với một tôn giáo hay một giáo phái nhất định. Với diễn biến như vậy, xét ở cấp độ chế định trong tôn giáo thì đã có sự phân/tách hoặc điều chỉnh những nội dung giáo lý, kinh sách, nghi lễ hay là những đổi mới của việc quản đạo hay phát

triển tín đồ nhằm thích ứng với đời sống hiện tại hơn.

Đối với *cấp độ cá nhân*, xuất phát từ khung cảnh xã hội trên nền tảng kinh tế thị trường, nên quan hệ cá nhân dựa trên thỏa thuận và khế ước tất yếu yêu cầu quyền tự do đối với mỗi cá nhân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, đó là cá nhân có quyền theo hay không theo một tôn giáo nào đều được nhà nước bảo trợ bằng các bộ luật cơ bản về bảo vệ quyền con người. Mặt khác, thể tục hóa ở cấp độ này thường nhận thấy những biểu hiện ở sự giảm sút trong việc thực hành tôn giáo và ở một số niềm tin truyền thống. Ở cấp độ này, lại thấy các cá nhân có thể lựa chọn tôn giáo họ yêu thích và phù hợp với điều kiện thực tế, cuộc sống của họ.

Như vậy, thể tục hóa là diễn trình giải phóng xã hội ra khỏi sự thống trị của Nhà thờ gắn với lịch sử phát triển nền văn minh phương Tây. Đây cũng là tiến trình đưa tôn giáo ra khỏi lĩnh vực công ở cả góc độ *nhà nước và xã hội*. Quá trình thể tục hóa tôn giáo ở các nước châu Âu không phải là sự phê phán tôn giáo, mà là đặt tôn giáo về đúng vị trí của nó, cũng như các tôn giáo "tái cấu trúc" trước những yêu cầu phát triển của xã hội. Khẳng định này cũng phù hợp với nhận định: "... Thể tục hóa không phải là sự biến mất của tôn giáo khi phải đối đầu với tính duy lý: đó là quá trình tái tổ chức thường xuyên của công việc tôn giáo trong một xã hội mà tự cơ cấu là bất lực trong việc thỏa

mãn như chờ đợi vốn có trong tồn tại của xã hội"³.

2. Nhận diện thế tục hóa tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

Như đã trình bày, thế tục hóa là quá trình đưa tôn giáo ra khỏi lĩnh vực công cả nhà nước lẫn xã hội; đó là quá trình bản thân tôn giáo phải biến đổi gắn với thực tiễn cuộc sống. Tuy nhiên, theo đánh giá chung, quá trình này chỉ có thể nhận thức một cách rõ ràng ở các nước châu Âu, còn đối với các nước phương Đông, mà cụ thể là ở Việt Nam, xu hướng thế tục hóa tôn giáo có sự khác biệt. Sự khác biệt này được bắt đầu từ cách tiếp cận cơ bản sau:

Một là, quan niệm về tôn giáo

Thuật ngữ Religion bắt nguồn từ tiếng Latinh là Legere, Relegere, có nghĩa là thấu lượm, lại thấu lượm. Với cách hiểu này, con người bên cạnh biết tổ chức thành xã hội, thì đã chú ý tới những điều mà lực lượng siêu nhiên có thể đem cho họ thêm sức mạnh mà họ không có, nhằm tránh được những rủi ro, bất trắc do thiên tai, dịch họa gây lên. Trải qua các quan niệm khác nhau về tôn giáo trong sự phát triển của loài người, song, cái mà mọi người đều thống nhất được với nhau là khi nói đến tôn giáo là nói đến yếu tố thiêng, quan hệ giữa cái thiêng và cái tục, bước đầu cấu trúc những thuộc tính của tôn giáo: tổ chức, nghi lễ, thờ tự...; Mặt khác, đã thấy được tôn giáo tạo ra những hệ quả quan trọng đối với sự vận hành của xã hội. Song, về cơ bản, những quan điểm trên thường

xem đặc tính bản chất của tôn giáo là cái linh thiêng, siêu tự nhiên. Nhưng yếu tố thiêng liêng, siêu tự nhiên đó có nguồn gốc từ đâu, hay là căn nguyên nảy sinh ra nó lại chưa làm rõ được.

Trên quan niệm duy vật về lịch sử, C. Mác, Ph. Ăngghen cho rằng, con người tạo ra tôn giáo chứ không phải tôn giáo sáng tạo ra con người. Con người chính là thế giới của những con người, là nhà nước, là xã hội, nhà nước ấy, xã hội ấy sản sinh ra tôn giáo.

Cách nhìn vấn đề về tôn giáo của các nhà kinh điển mácxít giúp cho thấy được nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc xã hội của tôn giáo. Và các ông cũng chỉ ra rằng, trong buổi đầu của lịch sử, bên cạnh sức mạnh tự nhiên, chính sự nô dịch, áp bức, thống trị của quan hệ kinh tế đối với con người trong xã hội là nguyên nhân sản sinh ra tôn giáo. Và sự ra đời của tôn giáo theo quy luật của hình thái ý thức, đó là sự phản ánh tồn tại xã hội dưới dạng hư ảo. Song, chính hoang đường hư ảo đó có tác dụng rất lớn, đó là sự bù đắp cho cuộc sống khổ cực nơi trần thế. Từ cách tiếp cận này, các nhà kinh điển mácxít đã đưa ra định nghĩa về tôn giáo: *"Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo vào trong đầu óc của con người của lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh mà trong đó lực lượng trần thế đã mang hình thức lực lượng siêu trần thế"*⁴. Tuy nhiên, C. Mác, Ph. Ăngghen đưa ra định nghĩa về tôn giáo

³ Nguyễn Xuân Nghĩa, sđd, tr. 12.

⁴ C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t. 20, tr. 437.

của mình trên cơ sở nghiên cứu một cách kỹ lưỡng, chủ yếu đạo Kitô và những diễn biến của nó ở châu Âu, song, hai ông lại chưa có điều kiện nghiên cứu các tôn giáo ở vùng Viễn Đông: Ấn Độ, Trung Quốc, Đông Nam Á và Nam Á: Phật giáo, Khổng giáo, Đạo giáo... Điều này lại càng phức tạp hơn nếu rập khuôn máy móc định nghĩa tôn giáo của các nhà kinh điển mácxít vào nghiên cứu tôn giáo ở Việt Nam.

Là người sinh ra ở Việt Nam và thấu hiểu văn hoá Việt Nam, khi nghiên cứu về tôn giáo Việt Nam, Hồ Chí Minh nhận xét: *"Người dân An Nam không có linh mục, không có tôn giáo theo cách nghĩ của châu Âu. Việc cúng bái tổ tiên hoàn toàn là một hiện tượng xã hội. Chúng tôi không có những người tư tế nào. Những người già trong gia đình hay các già bản là người thực hiện những nghi lễ tương niệm. Chúng tôi không biết uy tín của người thầy cúng, của người linh mục là gì"*⁵. Nhận định đó cũng phù hợp với nhận xét của L. Cadiere: *"Các dân tộc Viễn Đông, đặc biệt là người Việt Nam, là người mang đậm tâm thức tôn giáo. Thuật ngữ tôn giáo bao hàm nhiều mức độ, nhiều sắc thái. Nếu ta coi tôn giáo là niềm tin vào một Đấng Tuyệt Đối, đầy lớn lao và hoàn hảo; là hợp nhất bằng tất cả tấm lòng của bản thân với Đấng Tối Cao hiện diện ở khắp mọi nơi; là sự hợp nhất bằng cả trái tim với Đức Chúa đầy lòng bác ái, ngự trị và nắm giữ tất cả. Cuối cùng vì lòng biết ơn về sự hoàn thiện tốt cùng, thể hiện ra bằng sự*

*tôn thờ một cách xứng đáng với Đấng Tối Cao đó; thời ta phải nói người Việt Nam không có tôn giáo. Khái niệm về Đấng Tuyệt Đối, họ sống không có Chúa. Nhưng nếu ta quan niệm tôn giáo là tín ngưỡng và thực hành ảnh hưởng đến cách ứng xử theo lẽ phải của cuộc đời đến một thế giới siêu nhiên thời ta thấy người Việt Nam có cái đức tính đó ở mức độ cao"*⁶. Từ quan niệm tôn giáo như vậy sẽ biểu hiện tính khác biệt quan niệm thể tục hóa tôn giáo ở Việt Nam.

Hai là, quan niệm về thể tục hóa tôn giáo

Là một nước có vị trí địa lý bên cạnh hai nền văn minh lớn Trung Hoa, Ấn Độ và vị thế giao lưu với các quốc gia trong khu vực và thế giới nên Việt Nam là tâm điểm của sự du nhập các tôn giáo. Tuy thế, trong lịch sử phát triển, chưa có tôn giáo nào thực sự trở thành quốc giáo như kiểu các nước châu Âu, ngay cả trường hợp Phật giáo thời Lý - Trần. Sau này, cho dù Nho giáo là rường cột của hệ tư tưởng chính trị của xã hội phong kiến thì bản thân Nho giáo cũng không phải là tôn giáo theo nghĩa châu Âu. Chính vì vậy, ở Việt Nam có thực tế là nhà nước đứng trên tôn giáo. Nhà vua và triều đình có những quyền lực công nhận hay bảo hộ cơ sở của tôn giáo, thậm chí cử hành nghi lễ tôn giáo. Đây là đặc điểm khá đặc biệt ở các nước phương Đông. Nếu quy chiếu vấn đề thể tục hóa ở châu Âu sang kết luận về thể tục hóa ở

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 1, tr. 478 - 479.

⁶ Đặng Nghiêm Vạn: *Những vấn đề lý luận và thực tiễn tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 17.

Việt Nam thì chắc hẳn sẽ có những yếu tố không tương đồng. Vậy vấn đề đặt ra ở Việt Nam có thể thế tục hóa tôn giáo không? Nếu có thì nó được biểu hiện như thế nào?

Để trả lời những câu hỏi này cần những thể tục hóa tôn giáo ở góc độ mà theo tác giả Đới Thần Kinh cho rằng: "... *Lịch sử sau này, nội hàm thế tục hóa mở rộng hơn, nó chỉ chung những hiện tượng và xu thế trong mối quan hệ giữa tôn giáo với xã hội, giữa tôn giáo với con người... Đó cũng là một quá trình mà công năng của một bộ phận tôn giáo bị công năng xã hội có tính chất phi tôn giáo thay thế. Đồng thời, tôn giáo truyền thống không ngừng điều chỉnh bản thân mình để thích ứng với thay đổi của xã hội*"⁷.

Mặt khác, cũng cần có quan điểm rằng, các chiều kích của quá trình thế tục hóa là không đồng nhất trong các xã hội, các xã hội khác nhau thì quá trình thế tục hóa diễn ra khác nhau.

Với quan niệm như vậy, thế tục hóa tôn giáo được các nhà khoa học cho rằng, đó là những hành vi nhập thế của mọi tôn giáo bằng cách tham gia vào những hoạt động trần tục phi tôn giáo (xã hội, đạo đức, giáo dục, y tế...), nhằm góp phần cứu người đồng loại; sự đấu tranh của bộ phận tiến bộ trong từng tôn giáo muốn xoá bỏ những điểm lỗi thời trong giáo lý, những khắt khe trong giáo luật, muốn tiến tới sự đoàn kết giữa các tín đồ tôn giáo và không tôn giáo; thế tục hoá còn biểu hiện ở chỗ con người dường như ra khỏi tôn giáo nhất định, nhường lại một tâm

thức tôn giáo bằng bạc hay cái tôn giáo. Từ góc độ tiếp cận như vậy, quá trình thế tục hóa tôn giáo ở Việt Nam diễn ra theo chiều hướng sau:

Một là, các tôn giáo tham gia vào các hoạt động của đời sống xã hội tạo sự gắn kết giữa đạo và đời;

Đối với Việt Nam sự gắn kết giữa đạo và đời luôn là căn tính của sự phát triển dân tộc. Mỗi tôn giáo được du nhập, tồn tại và hình thành ở Việt Nam đều thấm đẫm tinh thần dân tộc. Tinh thần dân tộc là hằng số cho sự tồn tại, vận động, phát triển của mỗi tôn giáo. Vì vậy, xu thế thế tục hóa tôn giáo cũng phải nhìn nhận trên cơ sở này.

Có thể nói, sự tham gia của tôn giáo vào xây dựng đời sống xã hội không phải là việc làm tự phát của mỗi tín đồ, mà được thể hiện ngay trong phương hướng hành đạo của mỗi tôn giáo ở Việt Nam. Xu hướng này thể hiện ở tất cả các tôn giáo chân chính ở Việt Nam hiện nay. Chẳng hạn, đối với Công giáo - một trong sáu tôn giáo lớn ở Việt Nam khẳng định, *Thư chung năm 1980 của Hội đồng Giám mục Việt Nam*, đó là đồng hành cùng dân tộc, tích cực góp phần cùng đồng bào cả nước bảo vệ và xây dựng Tổ quốc; xây dựng Hội thánh một nếp sống và một lối diễn tả đức tin phù hợp với truyền thống dân tộc. Với tinh thần sống "tốt đời, đẹp đạo", cộng đồng những người Công giáo Việt Nam luôn đi đầu trong các phong trào: xoá đói, giảm nghèo; cứu trợ đồng bào thiên tai, bão lũ; xây nhà tình nghĩa và các hoạt động khác của đời sống xã hội. Hay đối với Phật giáo với *Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã*

⁷ Đới Thần Kinh: *Thế tục hóa và thần thánh hóa*, Nghiên cứu Tôn giáo, số 4/2007, tr. 12.

hội là mục tiêu, sợi chỉ đỏ xuyên suốt hoạt động Phật giáo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong sự phát triển xã hội hiện nay, các tăng ni, phật tử tham gia vào hoạt động kinh tế nhằm xây dựng cho xã hội ngày một phồn thịnh. Đồng thời, Giáo hội Phật giáo động viên tăng ni, phật tử tham gia đóng góp công và của của mình vào xây dựng công trình lớn của đất nước bằng cách mua công trái, tiết kiệm, cũng như tham gia các hoạt động từ thiện y tế, giáo dục, cứu tế, an sinh...

Như vậy, sự dung hợp giữa đạo và đời là xu thế thế tục hóa tục trong đời sống tôn giáo hiện nay ở Việt Nam. Hiểu một cách cụ thể, đó là quá trình các tôn giáo tham gia vào việc đời nhiều hơn: giáo dục, y tế, từ thiện... Đây cũng là xu thế chi phối các xu thế khác trong đời sống tôn giáo ở nước ta hiện nay.

Hai là, các tôn giáo từng bước đổi mới phù hợp với sự phát triển của xã hội;

Sự đổi mới trong mỗi tôn giáo gần đây dễ phù hợp sự phát triển xã hội ngoài sự vận động biến đổi trong nội tại bản thân mỗi tôn giáo còn do sự phát triển khoa học - công nghệ. Sự gắn kết giữa các quốc gia - dân tộc trong quá trình sản xuất làm cho đời sống tôn giáo có nhiều thay đổi. Thậm chí, trong mỗi tôn giáo hiện nay đã bước đầu có sự thay đổi quan niệm về thần học hay giải nghĩa các giáo lý trên tinh thần mới. Theo tác giả Nguyễn Thái Hợp: *"Nói cho cùng, chẳng tôn giáo nào có thể phủ nhận trần gian, vì tôn giáo có siêu việt đến đâu, nếu muốn tồn tại phải chấp nhận một thứ cơ cấu tối thiểu hay một hình thức nhập thế nào đó"*⁸. Nhận định

này có điều phù hợp với sự vận hành sự các tôn giáo ở Việt Nam. Chẳng hạn, đối với Công giáo - tôn giáo có kết cấu tổ chức chặt chẽ, song cho dù đa số tín đồ tin tưởng vào sự tồn tại của linh hồn sau khi chết, nhưng vẫn quan tâm nhiều đến cuộc sống trần tục: tình yêu, sức khoẻ, hạnh phúc gia đình. Ở nhiều vùng Công giáo, giáo dân thường sử dụng các biện pháp tránh thai trong kế hoạch hoá gia đình, dù họ vẫn biết những việc đó vi phạm những tín điều trong giáo lý. Họ quan niệm rằng, làm việc đó là phạm một trong những điều răn của Chúa, nhưng đó là gánh chịu của đời sau, còn nếu vỡ kế hoạch đẻ con ngoài ý muốn không có điều kiện nuôi dạy, sẽ phải chịu tội đời này, đây là điều còn đáng sợ hơn. Đối với những tín đồ Phật giáo, luôn thấm nhuần tư tưởng "vô ngã", coi thân thể con người chỉ là giả tướng, coi sự sống của con người chỉ là sự kết hợp tạm thời của ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức). Khi ngũ uẩn kết hợp lại là sinh, khi ngũ uẩn tan ra là diệt. Quan niệm như vậy, họ thường không coi trọng lợi ích thế gian, không có tài sản riêng, cũng không chú ý tới đời sống cá nhân và hình tướng của mình. Từ khi được thọ giới sa di, ngoài ngũ giới mà mọi tín đồ phải thực hiện, họ phải thực hiện thêm ngũ giới. Tuy nhiên, thực tế hiện nay, do tác động của nền kinh tế, nhiều giá trị sống của họ thay đổi ít nhiều. Phần lớn các nhà sư hiện nay, bên cạnh thực hiện giới răn, họ sống cũng không khác đời thường là mấy. Đặc biệt là những chùa ở khu vực nội thành, nội thị, nơi buôn bán sầm uất, các nhà sư vẫn mặc áo màu nâu, lam, vàng, nhưng được may với loại vải tốt, trong đời sống hàng ngày thường

sử dụng phương tiện sinh hoạt hiện đại: điện thoại di động, xe gắn máy...

Ba là, thế tục hóa tôn giáo ở Việt Nam lại không phải "thoát ra khỏi tôn giáo" mà là "mang đậm tính tôn giáo";

Do điều kiện lịch sử đặc thù, cộng với sự chuyển đổi của nền kinh tế - xã hội, nên xu thế thế tục hoá của Việt Nam cũng khác với các nước phát triển, đặc biệt so với các nước phương Tây. Nếu như xu thế thế tục hoá ở phương Tây, người dân ngày càng ít đi lễ ở Nhà thờ, dù rằng vẫn tin là có Chúa, vẫn nhận mình là tín đồ Kitô; Thì ngược lại ở Việt Nam, số tín đồ tham gia sinh hoạt tôn giáo ở các Nhà thờ ngày càng tăng. Nếu ở phương Tây có xu hướng dường như ra khỏi tôn giáo nhất định, nhưng trở lại tâm thức tôn giáo bằng bạc hay cái tôn giáo, thì các tín đồ tôn giáo Việt Nam nói chung lại gần bó với tôn giáo cụ thể nhiều hơn và cũng khó đến với "cái tôn giáo". Nếu như người phương Tây chú ý nhiều đến lý luận tôn giáo, phân tích những quan điểm lạc hậu, bảo thủ của giáo lý tôn giáo, nhằm yêu cầu khắc phục, hoặc có xu hướng đi vào suy tư thần học mới bằng những chiêm nghiệm cá nhân, thì ở Việt Nam lại đơn giản những vấn đề lý luận, trọng thực hành nhiều hơn; thường vận dụng linh hoạt những giáo điều trong giáo lý vào trong đời sống thực tiễn hàng ngày. Một chỉ số điều tra cho thấy, sự đánh giá vai trò của lễ thức tôn giáo theo kiểu phương Đông đối với cá nhân và cộng đồng khá cao. Theo nguồn số liệu của tác giả Nguyễn Xuân Nghĩa, tỉ lệ % trả lời về mức

độ quan trọng của các nghi lễ, dịch vụ tôn giáo trong các sự kiện của vòng đời như: *Ra đời*: 37,1% số người được hỏi cho là rất quan trọng và ít nhiều quan trọng; *Kết hôn*: 55,6% số người được hỏi cho là rất quan trọng hay ít nhiều quan trọng; *Chết*: 74,4% số người được hỏi cho là rất quan trọng hay ít nhiều quan trọng; *Lễ hội*: 25% số người được hỏi là rất quan trọng hay ít nhiều quan trọng.

Như vậy, xu thế thế tục hóa là xu hướng tất yếu của các nước theo Kitô giáo và gần với sự phát triển thời đại. Chỉ ít, xu thế thế tục hóa ở các nước châu Âu được khái quát ở 3 cấp độ: xã hội, định chế tôn giáo, cá nhân. Song, đối với Việt Nam, do đặc thù văn hóa và quan niệm tôn giáo, việc bóc tách các xu thế phát triển của tôn giáo gần với phát triển thời đại là vấn đề phức tạp. Điều này cần có sự đầu tư hơn nữa của các khoa học liên ngành: triết học, sử học, tôn giáo học, xã hội học, văn hóa học để có những khái quát thỏa đáng.

Tài liệu tham khảo

1. Trung tâm Khoa học và Nhân văn, Viện Thông tin Khoa học xã hội: *Tôn giáo và đời sống hiện đại*, t.3, Thông tin chuyên đề, Hà Nội, 1998.
2. Cao Huy Thuần: *Tôn giáo và xã hội hiện đại - Biến chuyển lòng tin ở phương Tây*, Nxb. Thuận Hóa, 2006.
3. Phạm Thái Việt: *Toàn cầu hóa những biến đổi lớn trong đời sống chính trị quốc tế và văn hóa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2006.